

Phiếu An Toàn Hóa Chất MAPELASTIC /A

Phiếu An Toàn Hóa Chất ngày: 30/07/2020 - phiên bản 1

Ngày ấn bản đầu tiên: 30/07/2020



1. Lai lịch

Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)

Lai lịch hỗn hợp:

Tên thương mại: MAPELASTIC /A

Mã hàng: 901671

Công dụng đề nghị của hóa chất và các hạn chế về sử dụng

Công dụng đề nghị: Ready prepared cement mortar

Công dụng được khuyến nên tránh: Không Áp Dụng

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp

Công ty: MAPEI Vietnam LTD

Lô 8, Khu Công Nghiệp Bắc Chu Lai, Đường Số 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Vietnam

Chịu trách nhiệm: sicurezza@mapei.it

Số điện thoại khẩn cấp

Phone: +8451-1565001

Phone: +8451-1565001

2. Nhận diện hiểm họa

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Skin Irrit. 2	Gây kích ứng da
Eye Dam. 1	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
Skin Sens. 1B	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
STOT SE 3	Có thể gây kích ứng hô hấp.

Các tác dụng hóa lý có hại cho sức khỏe và môi trường:

Không có hiểm họa khác

Các thành phần của nhãn GHS, kê cả biện pháp phòng ngừa

Hình Đồ và Từ Cảnh Báo



Nguy hiểm

Cảnh báo hiểm họa

H315	Gây kích ứng da
H317	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
H318	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
H335	Có thể gây kích ứng hô hấp.

Biện pháp phòng ngừa

P261	Tránh hít bụi.
P264	Wash hands thoroughly after handling.
P271	Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông khí tốt.
P280	Mang găng tay/quần áo bảo hộ và đeo kính/mặt nạ bảo hộ.
P302+P352	NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước.
P304+P340	NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở.
P305+P351+P338	NẾU DÍNH VÀO MẮT: Cẩn thận xả bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và nếu dễ tháo. Tiếp tục xả.
P312	Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC nếu bạn thấy không được khỏe.
P321	Sự điều trị cụ thể (xem hướng dẫn bổ sung trên nhãn này)
P333+P313	Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mẩn trên da: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc.
P362+P364	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm và đem giặt trước khi sử dụng lại.
P403+P233	Bảo quản ở nơi thông thoáng. Đóng chặt vật đựng.
P501	Tiêu hủy hóa chất tuân theo các quy định quốc gia.

Các hiểm họa khác không dẫn đến phải phân loại

Không có hiểm họa khác

Prolonged exposition and/or intensive inhalation of respirable free crystalline silica (average diameter less than 10 micron in accordance with ACGIH) can cause pulmonary fibrosis commonly referred to as silicosis.

This preparation contains cement. Contact between cement and body fluids (e.g. sweat and eye fluids) may cause irritation or burns.

3. Thành phần cấu tạo/thông tin về thành phần

Chất

Không Áp Dụng

Hỗn hợp

Các thành phần nguy hiểm theo tinh thần của GHS và phân loại liên quan:

Số lượng	Tên	Số Định Danh	Phân loại	Số Đăng Ký
≥25 - <50 %	portland cement, Cr(VI) < 2 ppm	CAS:65997-15-1 EC:266-043-4	Skin Irrit. 2, H315; Skin Sens. 1B, H317; Eye Dam. 1, H318; STOT SE 3, H335	

4. Các biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Khi tiếp xúc với da:

Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo đã bị nhiễm.

TÌM Y TẾ CHĂM SÓC NGAY.

Cởi bỏ quần áo đã bị nhiễm ngay lập tức rồi thải bỏ theo cách thức an toàn.

Sau khi tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức bằng xà phòng và nhiều nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

Sau khi tiếp xúc với mắt, rửa bằng nước đồng thời kéo mí mắt ra trong khi rửa trong một thời gian thỏa đáng, rồi hỏi ý kiến bác sĩ nhãn khoa ngay.

Bảo vệ mắt chưa bị tổn thương.

Trong trường hợp ăn phải:

Không gây nôn, tìm y tế chăm sóc và cho họ xem Phiếu An Toàn Hóa Chất và nhãn hiểm họa.

Trong trường hợp Hít Phải:

Trong trường hợp bị hít phải, hỏi ý kiến bác sĩ ngay và cho họ xem bao bì hoặc nhãn.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện

Kích ứng mắt

Tổn thương mắt

Kích ứng da

Sung huyết

Dấu hiệu cần phải được y tế chăm sóc ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần

Khi gặp tai nạn hoặc cảm thấy không khỏe, tìm y tế chăm sóc ngay (cho họ xem hướng dẫn sử dụng và phiếu an toàn hóa chất nêu được).

Điều trị: Không Áp Dụng

5. Các biện pháp chữa cháy

Chất chữa cháy

Các chất chữa cháy phù hợp:

Nước.

Carbon dioxide (CO₂).

Chất chữa cháy không phù hợp:

Không có gì đặc biệt.

Hiểm họa đặc biệt phát sinh từ hóa chất

Không hít các khí nổ và khí cháy.

Cháy sinh ra nhiều khói.

Sản phẩm cháy nguy hiểm: Không Áp Dụng

Các tính chất nổ: Không Áp Dụng

Tính chất oxy hóa: Không Áp Dụng

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy

Sử dụng thiết bị thở phù hợp.

Thu gom riêng nước chữa cháy đã bị nhiễm. Không được thải nước này vào cống rãnh.

Di chuyển dụng cụ đựng chưa bị hư hỏng ra khỏi khu vực có hiểm họa ngay lập tức nếu có thể thực hiện được an toàn.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cho người, trang bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp

Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân
Sử dụng thiết bị thở nếu phải tiếp xúc với hơi/bụi/khí dung.
Cung cấp phương tiện thông khí đầy đủ.
Sử dụng phương tiện bảo vệ hô hấp thích hợp.
Xem các biện pháp bảo vệ tại điểm 7 và 8.

Các biện pháp đề phòng cho môi trường

Không cho xâm nhập vào đất/tầng đất cái. Không cho xâm nhập vào nước bề mặt hoặc công rãnh.
Giữ lại nước rửa đã bị nhiễm rồi thải bỏ.
Trong trường hợp khí thoát ra hoặc xâm nhập vào kênh rạch, đất hoặc công rãnh, thông báo cho cơ quan hữu trách.
Vật liệu phù hợp để thu gom: vật liệu thấm hút, vật liệu hữu cơ, cát

Các phương pháp và vật liệu dùng để bao ngăn và làm sạch

Vật liệu phù hợp để thu gom: vật liệu thấm hút, vật liệu hữu cơ, cát
Rửa bằng nhiều nước.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Tránh tiếp xúc với da và mắt, hít phải hơi và sương.
Không sử dụng trên những khu vực có bề mặt rộng lớn tại cơ sở có người ở.
Sử dụng hệ thống thông khí tại chỗ.
Không sử dụng dụng cụ đựng đã rỗng hết nếu chưa được làm sạch.
Trước khi thực hiện công việc chuyên, bảo đảm không có bất kỳ vật liệu tương kỵ nào còn sót lại trong dụng cụ đựng.
Phải thay quần áo đã bị nhiễm trước khi đi vào khu vực ăn uống.
Không ăn uống trong khi làm việc.
Xem thêm mục 8 để biết trang bị bảo hộ nên dùng.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Luôn giữ ở nơi thông khí tốt.

Các vật liệu tương kỵ:

Không có gì đặc biệt.

Hướng dẫn về cơ sở bảo quản:

Mát và được thông khí đầy đủ.

8. Kiểm soát tiếp xúc/bảo vệ cá nhân

Các thông số kiểm soát

Danh sách thành phần có giá trị giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Thành Phần	Loại Mức Tiếp Xúc Nghề Nghiệp	Quốc gia	Trần	Lâu Dài mg/m ³	Lâu Dài ppm	Ngăn Hạn mg/m ³	Ngăn Hạn ppm xử	Cách ứng	Lưu ý
portland cement, Cr(VI) < 2 ppm	IDN	INDONESIA		10					5 mg/m ³ TWA (containing <1% of free Silica, respirable dust); 10 mg/m ³ TWA (containing <1% of free Silica, total dust)
	ZAF	SOUTH AFRICA		10					
	ARE	UNITED ARAB EMIRATES		10					A4 - Not Classifiable as a Human Carcinogen; pulmonary function; respiratory symptoms; asthma
	PAN	PANAMA		5.000		30			
	IDN	INDONESIA		10					10 mg/m ³ PEL
	MEX	MEXICO		1					
	IND	INDIA		10					
	IDN	INDONESIA		10					
	ZAF	SOUTH AFRICA		5					
	COL	COLOMBIA		1					
PER	PERU		10						
ARE	UNITED ARAB EMIRATES		10						

PAN	PANAMA	10	10
PAN	PANAMA	5	10
PAN	PANAMA	10	20

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp: Không Áp Dụng

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân (PPE) chẳng hạn

Bảo vệ mắt:

Sử dụng kính bảo hộ an toàn kín khít, không dùng kính tiếp xúc.

Bảo vệ da:

Sử dụng quần áo có khả năng bảo vệ đầy đủ cho da, ví dụ như bằng cotton, cao su, PVC hoặc viton.

Bảo vệ tay:

Sử dụng găng tay bảo hộ có khả năng bảo vệ đầy đủ, ví dụ như bằng nhựa PVC, neopren hoặc cao su.

Bảo vệ đường hô hấp:

Sử dụng phương tiện bảo vệ hô hấp ở những nơi thông khí kém hoặc phải tiếp xúc lâu.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Color various

Appearance: Bột

Mùi đặc trưng: cement like

Nhiệt độ tự cháy (°C): Không Áp Dụng

pH in water dispersion: 12.00 Độ pH: Không Áp Dụng

Điểm chảy / Điểm đông: Không Áp Dụng

Điểm sôi (°C): Không Áp Dụng

Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: Không Áp Dụng

Tỷ lệ hoá hơi: Không Áp Dụng

Flammability (Solid, Gas): Không Áp Dụng

Các giới hạn cháy hoặc nổ trên/dưới: Không Áp Dụng

Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không Áp Dụng

Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không Áp Dụng

Khối lượng riêng (kg/m³): Không Áp Dụng

Độ hòa tan trong nước : partly soluble

Độ tan trong dầu: Không tan

Hệ số phân tách (n-octanol/nước): Không Áp Dụng

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không Áp Dụng

Nhiệt độ phân hủy: Không Áp Dụng

Độ nhớt: Không Áp Dụng

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng

Bền trong điều kiện thường

Độ bền hóa học

Không Có Dữ Liệu.

Khả năng gây phản ứng nguy hiểm

Không có.

Các điều kiện cần tránh

Bền trong điều kiện thường.

Vật liệu tương kỵ

Không có gì đặc biệt.

Sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm

Không có.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các tác dụng độc

Thông tin về độc tính của sản phẩm: Không Có Dữ Liệu

12. Thông tin về sinh thái

Độc tính

Sử dụng tiêu chuẩn thực hành làm việc tốt, sao cho sản phẩm không bị phóng thích ra môi trường.

Thông Tin Về Độc Tính Sinh Thái:

Danh sách các tính chất Độc Sinh Thái của sản phẩm

Không Có Dữ Liệu

Độ bền và khả năng phân hủy

Không Áp Dụng

Khả năng tích tụ sinh học

Không Áp Dụng

Khả năng di chuyển trong đất

Không Áp Dụng

Các tác dụng có hại khác

Không tìm thấy thành phần nào có tính chất nguy hiểm cho môi trường.

13. Xem xét về việc thải bỏ

Các phương pháp thải bỏ

The generation of waste should be avoided or minimized wherever possible. Recover if possible.

Methods of disposal:

Disposal of this product, solutions, packaging and any by-products should at all times comply with the requirements of environmental protection and waste disposal legislation and any regional local authority requirements.

Dispose of surplus and nonrecyclable products via a licensed waste disposal contractor.

Do not dispose of waste into sewers.

Disposal considerations:

Do not allow to enter drains or watercourses.

Dispose of product according to all federal, state and local applicable regulations.

If this product is mixed with other wastes, the original waste product code may no longer apply and the appropriate code should be assigned.

Dispose of containers contaminated by the product in accordance with local or national legal provisions. For further information, contact your local waste authority.

Special precautions:

This material and its container must be disposed of in a safe way. Care should be taken when handling untreated empty containers.

Avoid dispersal of spilled material and runoff and contact with soil, waterways, drains and sewers.

Empty containers or liners may retain some product residues. Do not re-use empty containers.

14. Thông tin về vận chuyển

Không được phân loại là nguy hiểm theo tinh thần của các quy định về vận chuyển.

Số UN

Không Áp Dụng

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)

Không Áp Dụng

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Không Áp Dụng

Nhóm đóng gói, nêu áp dụng

Đường Bộ và Đường Sắt (ADR-RID):

Không Áp Dụng

Hàng Không (IATA):

Không Áp Dụng

Đường Biển (IMDG):

Không Áp Dụng

Các hiểm họa môi trường

Chất ô nhiễm biển: Không

Chất Ô Nhiễm Môi Trường: Không Áp Dụng

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng

Không Áp Dụng

Vận chuyển hàng rời theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL 73/78 và Quy Định IBC

Không Áp Dụng

15. Thông tin về quy định

Các quy định về an toàn, y tế và môi trường dành riêng cho sản phẩm nghi vấn

Phiếu An Toàn Hóa Chất này đã được soạn thảo theo Hệ Thống hài Hòa Toàn Cầu về Phân Loại và Ghi Nhãn Hóa Chất (GHS), Ấn bản sửa đổi lần thứ năm.

16. Thông tin khác

Mã	Mô tả
H315	Gây kích ứng da
H317	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
H318	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
H335	Có thể gây kích ứng hô hấp.

Tài liệu này đã được soạn thảo bởi người có trình độ đã được đào tạo phù hợp.

Nguồn thư mục chính:

ECDIN - Dữ Liệu về Hóa Chất Môi Trường và Mạng Thông Tin - Trung Tâm Hợp Tác Nghiên Cứu, Ủy Ban của Cộng Đồng Châu Âu
CAC TÍNH CHẤT NGUY HIỂM CỦA VẬT LIỆU CÔNG NGHIỆP của SAX - Ấn bản Tám - Van Nostrand Reinold
Chèn vào đây thư mục đã tra cứu được thêm

Các thông tin đề cập trong tài liệu này là dựa trên tình trạng hiểu biết của chúng tôi vào ngày nói trên. Nó chỉ liên quan đến sản phẩm đã đề cập và không cấu thành bất cứ sự bảo đảm nào về chất lượng cụ thể. Thông tin này chỉ

Người dùng có nhiệm vụ bảo đảm thông tin này là phù hợp và đầy đủ về công dụng cụ thể được dự định.

Phiếu an toàn hóa chất này hủy bỏ và thay thế mọi bản phát hành trước.

Chú thích các từ viết tắt sử dụng trong phiếu an toàn hóa chất:

ADR: Hiệp Ước Châu Âu về Vận Chuyển Quốc Tế Hàng Nguy Hiểm theo Đường Bộ.

RID: Quy Định Về Vận Chuyển Quốc Tế Hàng Nguy Hiểm theo Đường Sắt.

IMDG: Bộ Luật Quốc Tế về Chuyên Chở Hàng Nguy Hiểm Bằng Đường Biển.

IATA: Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế.

IATA-DGR: Quy Định về Hàng Nguy Hiểm của "Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế" (IATA).

ICAO: Tổ Chức Hàng Không Dân Dụng Quốc Tế.

ICAO-TI: Hướng dẫn kỹ thuật của "Tổ Chức Hàng Không Dân Dụng Quốc Tế" (ICAO).

GHS: Hệ Thống Hòa Hòa Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất.

CLP: Phân Loại, Ghi Nhãn, Đóng Gói.

EINECS: Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của châu Âu.

INCI: Danh Pháp Quốc Tế của các Thành Phần Mỹ Phẩm.

CAS: Dịch Vụ Thông Tin Tóm Tắt về Hóa Chất (chi nhánh của Hội Hóa Học Hoa Kỳ).

GefStoffVO: Chỉ thị về Chất Nguy Hiểm, Đức.

LC50: Nồng độ tử vong, 50 phần trăm đối tượng thử nghiệm.

LD50: Liều tử vong, 50 phần trăm đối tượng thử nghiệm.

DNEL: Mức Không Tác Dụng Suy Diễn.

PNEC: Nồng Độ Dự Đoán Không Tác Dụng

TLV: Giá Trị Giới Hạn Ngưỡng.

TWATLV: Giá Trị Giới Hạn Ngưỡng cho Nồng Độ Tiếp Xúc Trung Bình Theo Trọng Số Thời Gian 8 giờ một ngày. (Tiêu chuẩn của ACGIH)

STEL: Giới hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn.

STOT: Độc Tính Cơ Quan Mục Tiêu Cụ Thể.

WGK: Loại Hiểm Họa Cho Nước của Đức.

KSt: Hệ số nổ.